

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HS-ST

Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Nhật Đại

Ông Nguyễn Hồng Diện

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn T, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1991 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; CCCD số 002091002696, cấp ngày 04/5/2023; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; con ông Chu Văn Q, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Hoàng Văn D, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2002 tại huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; CCCD số 002202035223, cấp ngày 01/11/2022; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; con ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1977 và bà Nông Thị H1, sinh năm 1986; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự, nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang tại ngoại tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T: Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1989 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H. (Có mặt)

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* - Anh Ma Văn H3, sinh năm 1991. Vắng mặt

- Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1975. Vắng mặt

- Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1977. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ 10 phút ngày 16/5/2024, Công an xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nhận được tin báo của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang bị mất trộm tài sản gồm 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna, loại 365, màu cam; 01 (một) cân đồng hồ nhãn hiệu Nhon Hòa loại 100kilogam, các loại tài sản trên đều đã qua sử dụng. Sau khi tiếp nhận tin báo Công an xã V đã điều tra, xác minh, bước đầu đã xác định Chu Văn T, sinh năm 1991, trú tại: Thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang là đối tượng trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị T1. Công an xã V đã báo cáo vụ việc lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Chu Văn T khai nhận, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/05/2024, Chu Văn T nảy sinh ý định trộm cắp máy cưa xăng của bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977 trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, (do trước đó T có đến nhà bà T1 hộ bà T1 cắt cây nên biết bà T1 có máy cưa xăng) mang đi bán lấy tiền tiêu sài, do không biết chỗ bán máy cưa xăng, nên T gọi điện thoại cho Hoàng Văn D, sinh năm 2002, trú tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhờ D bán hộ máy cưa xăng, khi trao đổi với D, T chỉ nói là máy cưa xăng của T muốn bán, nếu bán được sẽ mời D đi chơi, D đồng ý. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, T một mình đi bộ đến nhà bà Nguyễn Thị T1, lúc này bà T1 đang ở nhà nên T đứng chờ ở ngoài cổng, được khoảng 10 phút thì bà T1 tắt điện và đi ngủ, đợi thêm khoảng 10 phút, T đi bộ vòng ra phía sau nhà bà T1, để đôi dép tổ ong đang đi ở sát mép tường bếp, sau đó T đi đến vị trí kê chạn bát đặt cạnh tường nhà bếp và trèo qua khe hở giữa tường bếp và mái bếp đột nhập vào trong bếp của nhà bà T1. Sau khi vào được trong bếp, T mở đèn pin trên điện thoại di động soi đường đi đến vị trí để máy cưa xăng, đồng thời T cũng nhìn thấy một cân đồng hồ loại 100 kilogam để ở cạnh đó nên T đã cầm cả máy cưa xăng và cân đồng hồ đi đến mở cửa bếp và ra ngoài theo lối ra chuồng lợn. Khi ra đến ngoài, T sử dụng điện thoại di động gọi cho Hoàng Văn D đến đón T đi bán máy cưa xăng.

Đối với Hoàng Văn D, sau khi nhận được điện thoại của Chu Văn T nhờ bán máy cưa xăng, D đã liên lạc với Ma Văn H3, sinh năm 1991, trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang để bán máy cưa, H3 trả lời có mua nhưng phải xem trực tiếp mới trả giá. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Chu Văn T gọi điện thoại báo D đến đưa T đi bán máy cưa xăng, D đã sử dụng xe mô tô của gia đình đến đón T, khi cách nhà bà T1 khoảng 200m, D gặp T đang đứng đợi ngoài đường, trên tay cầm máy cưa xăng và cân đồng hồ, D đưa T đi theo đường bê tông đến cổng thôn M, xã V, khi

cách cổng thôn khoảng 200m thì D dừng xe và hỏi T máy cưa xăng và cân đồng hồ là của ai, lúc này T mới nói cho D biết cân đồng hồ và máy cưa xăng là do T trộm cắp mà có, nhưng không nói cho D biết là tài sản của bà T1. Khi biết máy cưa xăng và cân đồng hồ của T là do T trộm cắp được, D không nói gì mà sử dụng điện thoại di động của D gọi điện thoại cho Ma Văn H3 để T trao đổi bán máy cưa với H3, tuy nhiên do H3 không ở nhà nên hẹn T và D đến khuya hãy mang đến để H3 xem trực tiếp và trả giá. Lúc này, T và D bàn nhau mang máy cưa xăng và cân đồng hồ đi giấu ở bụi cây ven đường để về nhà tắm, thay quần áo. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D đi bộ đến nhà bác là Hoàng Văn S, sinh năm 1975, trú tại thôn X, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang và mượn xe mô tô, sau đó điều khiển đến nhà đón T đi đến vị trí giấu máy cưa xăng và cân đồng hồ, tuy nhiên lúc này cả hai chỉ tìm thấy cân đồng hồ, mà không thấy máy cưa xăng đâu, T bàn với D mang cân đồng hồ đi ra ngoài Bắc Quang bán, tuy nhiên đi được một đoạn Dừng không đi nữa nên đã đưa T và cân đồng hồ về nhà T, sau đó D quay về trả xe mô tô cho bác S và đi về nhà ngủ. Đến sáng hôm sau, Chu Văn T quay lại vị trí cất giấu máy cưa xăng để tìm thì phát hiện máy cưa xăng bị rơi xuống taluy âm cách vị trí ban đầu khoảng 15m nên đã mang về nhà cất giấu.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản là máy cưa xăng và cân đồng hồ, bà Nguyễn Thị T1 đã tổ chức đi tìm nhưng không thấy và có nhờ anh em hàng xóm đăng tin trên mạng facebook tìm máy cưa xăng và cân đồng hồ, đồng thời làm đơn trình báo và giao nộp 01 (một) đôi dép tổ ong màu vàng đến Công an xã V để giải quyết theo quy định. Đối với Hoàng Văn D, sáng hôm sau D nghe tin nhà bà Nguyễn Thị T1 bị mất máy cưa xăng và cân đồng hồ nên D đã đến nhà bà T1 và nói với bà T1 về việc tối hôm trước D nhìn thấy Chu Văn T cầm máy cưa xăng và cân đồng hồ ở khu vực gần nhà bà T1, sau đó D và T đã cất giấu ở bụi cây. Căn cứ vào kết quả điều tra xác minh, Công an xã V đã triệu tập Chu Văn T cùng Hoàng Văn D đến để làm việc, quá trình làm việc T và D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng thời Chu Văn T đã giao nộp lại chiếc máy cưa xăng và cân đồng hồ đã trộm cắp được của bà T1.

Ngày 22/05/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Hà Giang ban hành Yêu cầu định giá tài sản số: 559 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B định giá máy cưa xăng và cân đồng hồ là vật chứng trong vụ án. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 27/05/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu Husqvarna, loại 365 có giá trị là: 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*); 01 (một) cân đồng hồ 100kilogam nhãn hiệu Nhơn H có giá trị là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị các tài sản là **6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng)**.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã cho Chu Văn T xác định đôi dép tổ ong màu vàng mà bà Nguyễn Thị T1 giao nộp chính là đôi dép mà Chu Văn T đã sử dụng và để lại tại khu vực nhà bếp của bà T1 khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 15/05/2024.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 (một) máy cưa xăng nhãn

hiệu Husqvarna, loại 365 có giá trị là: 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*); 01 (*một*) cân đồng hồ 100kilogram nhãn hiệu Nhơn H có giá trị là 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*). Tổng giá trị các tài sản là **6.900.000 đồng** (*sáu triệu chín trăm nghìn đồng*).

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 47/CT-VKSBQ ngày 25/7/2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố Chu Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; truy tố Hoàng Văn D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Chu Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Hoàng Văn D về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Chu Văn T từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn D từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn D cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

* Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là bà Nguyễn Thị T1 đã nhận lại được toàn bộ tài sản nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, nên không đề nghị xem xét.

-Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị xử lý vật chứng như sau:

+ Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (*một*) điện thoại di động loại điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo màu xanh - đen, tại góc màn hình bên trái phía dưới điện thoại bị vỡ, thùng màn hình có nhiều vết dạn nứt; mặt sau phần phía dưới của điện thoại có nhiều vết xước có nhiều vết. Điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01(*một*) điện thoại di động loại điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung màu xanh - đen. Điện thoại cũ đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Đề nghị xử tịch thu, tiêu hủy đối với vật chứng không còn giá trị sử dụng là 01 (*một*) đôi dép nhựa loại dép tổ ong màu vàng cũ, đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hơn nữa bị cáo là đối tượng người khuyết tật được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo Quyết định của UBND huyện B, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhận thấy mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đưa ra là cao, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, tuyên xử bị cáo Chu Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, và ấn định thời gian thử thách cho bị cáo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Ý kiến của bị hại trong giai đoạn điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Về tội danh và hình phạt, đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật; Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại được tài sản nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí với tội danh và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Các bị cáo Chu Văn T, Hoàng Văn D lời nói sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật và hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Thị T1 và những người làm chứng Ma Văn H3, Hoàng Văn S, Hoàng Văn D1 vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, vật chứng của vụ án, biên bản làm việc, các biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường, biên bản họp và Kết luận định giá tài sản số 19/KL - HĐĐGTS ngày 27/5/2024, các biên bản nhận dạng và bản ảnh nhận dạng, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 15/5/2024, bị cáo Chu Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy cưa xăng 01 (một) máy cưa xăng nhãn hiệu

Husqvarna, loại 365 và 01 (một) cân đồng hồ loại 100kilogam nhãn hiệu Nhon Hòa, bị cáo Hoàng Văn D thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có đối với các tài sản trên của gia đình bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1977, trú tại thôn M, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, trị giá máy các tài sản mà bị cáo trộm cắp là 6.900.000 đồng (sáu triệu chín trăm nghìn đồng) do đó bị cáo Chu Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo Hoàng Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, tội "Trộm cắp tài sản" của bị cáo Chu Văn T có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" của bị cáo Hoàng Văn D thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Hành vi phạm tội mà bị cáo Hoàng Văn D gây ra đã xâm phạm đến trật tự công cộng đồng thời gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi, lười lao động, lợi dụng thời điểm mọi người đã đi ngủ để lén lút trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích bán lấy tiền để phục vụ cho việc chi tiêu cá nhân. Do đó cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự với mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục các bị cáo nói riêng và để răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Chu Văn T là đối tượng người khuyết tật nặng được hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên tại cộng đồng theo Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện B. Tuy nhiên căn cứ theo quy định tại tiêu mục 3 Mục I phần 1 hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định 2170/QĐ-BYT năm 2020 hướng dẫn về mức độ khuyết tật như sau:

"3.3. Mức độ khuyết tật: Điều 3, Nghị định 28/2012/NĐ-CP quy định cụ thể về mức độ khuyết tật:

"1. Người khuyết tật đặc biệt nặng.....

2. Người khuyết tật nặng là những người do khuyết tật dẫn đến mất một phần hoặc suy giảm chức năng, không tự kiểm soát hoặc không tự thực hiện được một số hoạt động đi lại, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân và những việc khác phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân hàng ngày mà cần có người theo dõi, trợ giúp, chăm sóc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/5/2024 và biên bản xác minh ngày 26/5/2024 của Công an xã V thể hiện bản thân Chu Văn T vẫn đi làm thuê kiếm sống, đối chiếu với quy định nêu trên thì Chu Văn T không thuộc diện người khuyết tật nặng nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đối với bị cáo Chu Văn T mặc dù chưa có tiền án, tiền sự nhưng tại biên bản xác minh ngày 26/5/2024 của Công an xã V với trưởng thôn M, nơi cư trú của Chu Văn T thấy rằng, quá trình sinh sống tại địa phương T là một công dân lành đạo, không tu trí làm ăn, có biểu hiện trộm cắp vặt của người dân xung quanh.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo Chu Văn T phạm tội trộm cắp tài sản, nên cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có tác dụng giáo dục các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt tương xứng với từng bị cáo. Xét thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Chu Văn T là phù hợp cần được chấp nhận. Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[8] Đối với bị cáo Hoàng Văn D phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy, bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn D là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị T1 đã nhận lại được các tài sản bị mất nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về phần trách nhiệm dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Trên cơ sở những vật chứng cơ quan điều tra Công an huyện B đã thu giữ trong vụ án và quá trình thẩm vấn tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử lý như sau:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động loại điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Vivo màu xanh - đen, tại góc màn hình bên trái phía dưới điện thoại bị vỡ, thùng màn hình có nhiều vết dạn nứt; mặt sau phần phía dưới của điện thoại có nhiều vết

xước có nhiều vết, điện thoại cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động loại điện thoại màn hình cảm ứng nhãn hiệu Sam sung màu xanh - đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng, xét thấy đây là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) đôi dép nhựa loại dép tổ ong màu vàng cũ, đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử thấy rằng đây là vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[11] Về án phí: Xét thấy bị cáo Chu Văn T là người bị khuyết tật trên cơ sở đề nghị của người bào chữa và đơn xin miễn án phí của bị cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đối với bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chu Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 65, của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn D;

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Chu Văn T **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D **06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Văn D cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

+ Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh - đen màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh - đen màn hình cảm ứng đã qua sử dụng.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) đôi dép nhựa loại dép tổ ong màu vàng cũ, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng giữa cơ quan Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 12/8/2024). Kết quả biểu quyết nhất trí 3/3.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), bị cáo Chu Văn T được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, bộ phận.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhung

